

**CÁC LOÀI THỰC VẬT ĐƯỢC ĐỒNG BẢO DÂN TỘC MƯỜNG  
TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN HANG KIA - PÀ CÒ  
SỬ DỤNG LÀM THUỐC TRỊ BỆNH THẬN**

**ĐỖ SĨ HIỂN**

*Trường Cao đẳng Nghề Chế biến gỗ, Hà Nam*

**ĐỖ THỊ XUYẾN**

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

Ở Việt Nam, đối với đồng bào dân tộc miền núi, việc sử dụng cây cỏ trong cuộc sống đã gắn bó với họ từ lâu đời nay. Ngoài mục đích sử dụng thực vật làm thức ăn, làm nguyên liệu để xây dựng... thì việc sử dụng cây cỏ trong việc đấu tranh với bệnh tật là một trong những vấn đề quan trọng. Những kinh nghiệm của đồng bào dân tộc đến nay đã có nhiều kiểm nghiệm, chứng minh cơ sở chữa bệnh của chúng.

Khu Bảo tồn thiên nhiên (Khu BTTN) Hang Kia - Pà Cò nằm trên địa bàn của 5 xã Hang Kia, Pà Cò, Tân Sơn, Cùn Pheo và xã Bao La, thuộc huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình, theo số liệu thống kê đến tháng 5 năm 2010 toàn khu có tổng số dân là 11.188 người sinh sống, trong đó dân tộc H'Mông chiếm tỷ lệ 44,4%, dân tộc Mường chiếm 43,2%, còn lại là dân tộc Thái, dân tộc Kinh. Cho đến nay, việc nghiên cứu và bảo tồn nguồn tri thức bản địa của cộng đồng các dân tộc nơi đây vẫn là vấn đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học. Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi đưa ra các thông tin về các loài thực vật được đồng bào dân tộc Mường sử dụng làm thuốc chữa bệnh thận tại Khu BTTN Hang Kia - Pà Cò, để góp phần vào công cuộc bảo tồn các tri thức bản địa ở Việt Nam.

### **I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu là các loài thực vật bậc cao có mạch được đồng bào dân tộc Mường sử dụng làm thuốc chữa bệnh thận tại Khu BTTN Hang Kia - Pà Cò và các bài thuốc hiện đang được đồng bào sử dụng.

Phương pháp nghiên cứu: Chúng tôi đã áp dụng phương pháp điều tra thực địa theo tuyến, theo ô tiêu chuẩn, nhằm thu mẫu cho việc xác định tên khoa học, ghi chép các thông tin về thành phần, số lượng loài; sử dụng phương pháp phỏng vấn nhanh có sự tham gia của người dân (PRA) để tìm thông tin về thành phần loài trong các bài thuốc, các thông tin thương mại các loài cây thuốc...

### **II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

#### **1. Các loài thực vật được đồng bào dân tộc Mường sử dụng làm thuốc chữa bệnh thận**

Qua quá trình điều tra, chúng tôi đã thu thập được những kinh nghiệm hiểu biết của các ông lang, bà mẹ của dân tộc Mường ở Khu BTTN Hang Kia-Pà Cò, tỉnh Hoà Bình. Những mẫu cây được đồng bào dân tộc Mường sử dụng làm thuốc chữa được bệnh thận là 65 loài, trong đó có 3 loài có tác dụng bổ thận, 8 loài có tác dụng lợi tiểu, 41 loài có tác dụng chữa được viêm thận, đặc biệt có 13 loài trị được đái ra máu, 18 loài có khả năng chữa được sỏi thận.

Về cách thức sử dụng thì trong các loài nói trên, 61 loài có thể sử dụng riêng, 8 loài thường được dùng phối hợp với các loài khác; việc chế biến thường đơn giản, bằng cách sắc uống, một số loài là đun sôi hay ăn như rau; có tới 38 loài có thể được sử dụng cả cây, 21 loài được sử dụng từ lá; 19 loài sử dụng thân, 11 loài sử dụng rễ và rễ củ, chỉ có 1 loài sử dụng từ hoa. Kết quả được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1

**Các loài thực vật được đồng bào dân tộc Mường sử dụng làm thuốc chữa bệnh thận**

TT	Tên khoa học	Tên thông dụng/Mường	Họ	BP dùng/CD	Cách dùng
1.	<i>Thunbergia grandiflora</i> (Rottb.) Roxb.	Dây bông xanh, Cun bông báo (M)	Acanthaceae	Toàn cây, củ/Đái ra máu, đái đục	Sắc uống. Dùng riêng
2.	<i>Achyranthes aspera</i> L.	Cỏ xước, Co nghén (M)	Amarantaceae	Toàn cây/Viêm thận	Đun sôi uống. Dùng riêng
3.	<i>Amaranthus spinosus</i> L.	Dền gai, Hoa vóc (M)	Amarantaceae	Thân, lá/Đái ra máu	Nấu ăn. Dùng riêng
4.	<i>Celosia argentea</i> L.	Mào gà, Cây kễng cà (M)	Amarantaceae	Hoa/Sỏi thận	Sao vàng, sắc uống. Dùng riêng
5.	<i>Desmos chinensis</i> Lour.	Hoa dẻ, Cùn soi vàng (M), Nổi côi (M)	Annonaceae	Hoa/Sỏi thận	Sắc uống. Dùng riêng
6.	<i>Tabernaemontana bovina</i> Lour.	Lài trâu, Cây ớt lán (M)	Apocynaceae	Toàn cây/Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
7.	<i>Ilex kaushue</i> S. Y. Hu	Chè đắng, Ché (M)	Aquifoliaceae	Lá/Lợi tiểu	Đun sôi uống. Dùng riêng
8.	<i>Schefflera heptaphylla</i> (L.) Fordin	Đáng, (cây) Chân chim (M)	Araliaceae	Toàn cây, thân/Viêm thận	Sắc uống. Phối hợp với Cỏ giấy, Cau đá
9.	<i>Cordyline fruticosa</i> (L.) Goepp.	Huyết dụ, Cây Hoa hộp (M)	Asteliaceae	Cành, lá/ Đái ra máu	Sắc uống. Dùng riêng
10.	<i>Elephantopus scaber</i> L.	Cúc chi thiên, Cây lâu côi (M)	Asteraceae	Toàn cây/Sỏi thận, viêm đường tiết niệu, đái ra máu	Sắc uống. Dùng riêng
11.	<i>Impatiens</i> sp.	Bóng nước hoa vàng, Lậu đỉnh (M)	Balsaminaceae	Lá/ Sỏi thận, viêm thận.	Nghiền tươi uống. Dùng riêng
12.	<i>Begonia pedatifida</i> Levl.	Thu hải đường lá xẻ	Begoniaceae	Toàn cây/Đái ra máu	Sắc uống. Dùng riêng
13.	<i>Capparis</i> sp.	Cáp, The hồi (M)	Capparaceae	Toàn cây/Sỏi thận, viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
14.	<i>Chloranthus elatior</i> Link.	Sói đứng, Gió bắc (M)	Cloranthaceae	Toàn cây/Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
15.	<i>Combretum latifolium</i> Blume	Chun bầu lá rộng	Combretaceae	Cành, lá/Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
16.	<i>Commelina communis</i> L.	Thài lải thường, Cây bù lảng (M)	Commelinaceae	Lá/Đái ra máu	Giã tươi uống hay hấp nước uống. Dùng riêng
17.	<i>Commelina diffusa</i> Burm. f.	Rau trai, Thỏ lào (M)	Commelinaceae	Toàn cây/Sỏi thận	Sắc uống. Dùng riêng
18.	<i>Ophiopogon japonicus</i> (L.f.) Ker-Gawl.	Mạch môn đông, cây Sâm nam (M)	Convallariaceae	Rễ/Bỏ thận	Ngâm rượu uống. Dùng riêng
19.	<i>Costus speciosus</i> (Koenig) Sm	Mía dò	Costaceae	Rễ củ/Viêm thận	Giã tươi uống. Dùng riêng

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên khoa học	Tên thông dụng/Mường	Họ	BP dùng/CD	Cách dùng
20.	<i>Costus tokinensis</i> Gagnep.	Mía đồ hoa gốc, Cây chết nốt (M)	Costaceae	Rễ củ/Sỏi thận, viêm thận	Giã tươi uống. Dùng riêng
21.	<i>Killinga nemoralis</i> (Forst. et Forst.f) Dandy ex Hutch & Dalz	Cỏ bạc đầu, Cỏ suối (M)	Cyperaceae	Thân rễ, củ/ Lợi tiêu	Sắc uống. Dùng riêng
22.	<i>Dioscorea persimilis</i> Prain ex Burk.	Củ mài	Dioscoreaceae	Củ/ Bỏ thận	Sắc uống. Dùng riêng
23.	<i>Dracaena cambodiana</i> Pierre ex Gagnep.	Huyết giác cãm pốt, Cau đá (M)	Draceneae	Cả cây/ Viêm thận	Sắc uống. Phối hợp với Cỏ giấy, Đáng
24.	<i>Flueggea virosa</i> (Roxb. ex Will.) Voigt.	Nở quả trắng, Cây tạc khắc, Cang pa	Euphorbiaceae	Toàn cây/ Phù thận	Sắc uống. Dùng riêng
25.	<i>Callerya reticulata</i> (Benth.) Schot	Dây máu chó, Thao kén (M)	Fabaceae	Toàn cây/ Sỏi thận, viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
26.	<i>Desmodium</i> aff. <i>griffithianum</i> Benth.	Thóc lép griffithi, Cỏ lạc (M)	Fabaceae	Toàn cây/ Sỏi thận, viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
27.	<i>Desmodium heterocarpon</i> (L.) DC.	Thóc lép dị quả, Cỏ giấy (M)	Fabaceae	Toàn cây/ Sỏi thận, viêm thận	Sắc uống. Phối hợp với Cau đá, Đáng
28.	<i>Desmodium triflorum</i> (L.) DC.	Hàn the lá bé, Vện mỡ (M)	Fabaceae	Lá, thân/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
29.	<i>Anisomeles india</i> (L.) Kuntze	Thiến thảo, Cây lực bái (M), Lâu bái (M)	Lamiaceae	Toàn cây/ Sỏi thận, viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
30.	<i>Litsea cubeba</i> (Lour.) Pers	Mãng tang, Cây Man than (M)	Lauraceae	Toàn cây, lá/ Sỏi thận	Sắc uống. Dùng riêng
31.	<i>Abutilon indicum</i> Sweet.	Cối xay, Cối xu (M)	Malvaceae	Toàn cây, Lá/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
32.	<i>Hibiscus rosa sinensis</i> L.	Dâm bụt, Lá bông trình (M)	Malvaceae	Toàn cây/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
33.	<i>Phrynium placentarium</i> (Lour.) Merr	Lá dong rừng, Lá dong đỏ (M)	Marantaceae	Thân củ, rễ/ Viêm đờ ồng tiết niệu, đái ra máu, sỏi thận	Sắc uống. Phối hợp với Cùn Chìa vôi
34.	<i>Phyllagathis</i> sp.	Mua, Muồng vàng (M)	Melastomataceae	Thân, lá/ S ỏi thận, viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
35.	<i>Cissampelos pareira</i> L. var. <i>hirsuta</i>	Dây tiết dê, Cùn tòm lên (M)	Menispermaceae	Toàn cây/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng hay phối hợp cùng Cách lông vàng
36.	<i>Broussonetia papyrifera</i> (L.) L. Her. ex Vent	Dương, Cây Ráng (M)	Moraceae	Toàn cây/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
37.	<i>Ficus hirta</i> Vahl.	Vú bò, Cây thán chó (M), Bú/vú chó (M)	Moraceae	Lá, thân/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
38.	<i>Maclura cochinchinensis</i> (Lour.) Corn.	Dây mỏ quạ, Giao soong, Cây Kho ọng(M)	Moraceae	Toàn cây/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
39.	<i>Streblus asper</i> Lour.	Ruổi, Cây nhuộm (M)	Moraceae	Toàn cây, thân/ Đái ra máu, viêm thận, đái đục	Sắc uống. Dùng riêng

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên khoa học	Tên thông dụng/Mường	Họ	BP dùng/CD	Cách dùng
40.	<i>Passiflora foetida</i> L.	Lạc tiên, Cùn/cây thạch (M)	Passifloraceae	Toàn cây/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
41.	<i>Plantago major</i> L.	Mã đề, cây Bà đề (M)	Plantaginaceae	Toàn cây/Đái ra máu, viêm đường tiết niệu	Đun sôi uống. Dùng riêng
42.	<i>Coix lachryma jobi</i> L.	Cỏ Cườm cườm, ý dĩ, Cây Khâu phu (M), Con trâu (M), Khâu kham (M)	Poaceae	Toàn cây/ Sỏi thận, viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
43.	<i>Eleusine indica</i> (Linn) Gaertn.	Cỏ mần trâu, Cùn năng nạng (M)	Poaceae	Thân, lá/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
44.	<i>Imperata cylindrica</i> (Linn) Beauv.	Cỏ tranh, Khế khung (M)	Poaceae	Rễ/Lợi tiểu, viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
45.	<i>Lophantherum gracile</i> Brongl in Duperr.	Đạm trúc điệp, Cỏ dĩ	Poaceae	Toàn cây/ Lợi tiểu	Sắc uống. Dùng riêng
46.	<i>Portulaca oleracea</i> L.	Rau sam, Cây búi bím (M)	Portulacaceae	Toàn cây/ Phù thận	Đun sôi uống, ăn. Dùng riêng
47.	<i>Gouania leptostachya</i> DC.	Dây gân bông hẹp, Cùn roi kiền (M)	Rhamnaceae	Toàn cây/ Sỏi thận, viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
48.	<i>Caralia lancaefolia</i> Roxb.	Xương cá, Lá dạ còn (M)	Rhizophoraceae	Lá, thân/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
49.	<i>Ixora coccinea</i> Linn.	Mẫu đơn đỏ	Rubiaceae	Thân, lá/ Lợi tiểu	Sắc uống. Dùng riêng
50.	<i>Mussaenda pilosissima</i> Val.	Dây bướm lông, máu trắng (M), Cùn pà nạ (M), Lãi trắng (M)	Rubiaceae	Toàn cây/ Viêm thận, đái ra máu	Sắc uống. Dùng riêng
51.	<i>Saururus chinensis</i> (Lour.) Hort. ex Loud	Hàm ếch	Saururaceae	Toàn cây/ Lợi tiểu, đau thận	Đun sôi uống. Dùng riêng
52.	<i>Lygodium conforme</i> C. Chr.	Bồng bong lá lớn, Cùn bông bong (M), Cây Ràng ràng leo (M)	Schizaeaceae	Thân, lá, toàn cây/Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
53.	<i>Lygodium microstachyum</i> (Desv.)	Bồng bong hoa nhỏ, Cùn bông bong (M)	Schizaeaceae	Thân, lá/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
54.	<i>Lygodium scandens</i> (L.) Sw	Bồng bong leo, Cùn bông bong (M)	Schizaeaceae	Thân, lá/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
55.	<i>Solanum torvum</i> Sw.	Cà đại hoa trắng, Cây pueng (M)	Solanaceae	Toàn cây/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
56.	<i>Pilea</i> sp.	Nan ông, Lậu xanh (M)	Urticaceae	Toàn cây/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
57.	<i>Pouzolzia sanguinea</i> (Blume) Merr.	Bọ mần rừng, Nhót nháo	Urticaceae	Cành, lá/ Lợi tiểu	Sắc uống. Dùng riêng
58.	<i>Pouzolzia zeylanica</i> (L.) Benn.	Bọ mần	Urticaceae	Cành, lá/ Lợi tiểu	Sắc uống. Dùng riêng

TT	Tên khoa học	Tên thông dụng/Mường	Họ	BP dùng/CD	Cách dùng
59.	<i>Callicarpa kochiana</i> Makino.	Trứng ếch đỏ	Verbenaceae	Lá/Sỏi thận, đái ra máu	Sắc uống. Dùng riêng
60.	<i>Clerodendrum chinense</i> (Osbeck) Mabb.	Mồ trắng, Cây bệ hôi (M)	Verbenaceae	Toàn cây hay lá, thân/Viêm thận, Sỏi thận	Sắc uống. Dùng riêng
61.	<i>Clerodendrum cryptophyllum</i> Turcz	Đắng cây, Đóm (M)	Verbenaceae	Toàn cây/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
62.	<i>Premna chevalieri</i> P.Dop	Vọng cách, Cây sạ xanh (M), S ạ súng (M)	Verbenaceae	Toàn cây, Lá/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng
63.	<i>Premna fulva</i> Craib.	Cách lông vàng, Sa vàng cương (M)	Verbenaceae	Toàn cây/ Viêm thận	Sắc uống, dùng riêng hay phối hợp cùng Tiết dê
64.	<i>Cissus triloba</i> (Lour.) Merr.	Chìa vôi, Cùn chìa vôi (M)	Vitaceae	Thân, rễ/ Đái ra máu, viêm thận đái đục	Sắc uống. Dùng riêng, phối hợp với Lá dong đỏ
65.	<i>Curcuma</i> sp.	Bo mèò, Vo mèò (M)	Zingiberaceae	Toàn cây/ Viêm thận	Sắc uống. Dùng riêng

## 2. Tình hình sử dụng một số loài thực vật làm thuốc chữa bệnh thận

Đối với đồng bào dân tộc Mường tại Khu BTTN Hang Kia - Pà Cò, tỉnh Hoà Bình, trong cuộc sống hàng ngày mỗi khi có người trong cộng đồng mắc bệnh ốm đau, họ thường chữa bệnh theo hai cách: đến các cơ sở y tế địa phương để khám chữa bệnh hay đến các ông lang, bà mẹ lấy thuốc và trị bệnh ngay tại cộng đồng. Những bệnh thường gặp nhiều trong cộng đồng như cảm cúm, đau xương khớp thì chính những người trong gia đình tự vào rừng hoặc ra vườn nhà lấy lá cây để làm thuốc trị bệnh theo những bài thuốc mà họ biết. Đối với bệnh về thận, do thời gian chữa bệnh thường dài nên khi phát hiện bệnh, người dân hay đến các ông lang, bà mẹ để lấy thuốc về chữa. Việc khai thác trái phép và không bền vững các loài thực vật làm thuốc nói chung và làm thuốc chữa bệnh thận nói riêng của đồng bào dân tộc Mường cũng là nguyên nhân gây ra sự suy giảm nghiêm trọng về số lượng của các loài cây này.

Do trong các vị thuốc có một số loài cần phải lấy rễ nên đồng bào dân tộc thường hủy hoại cả cây. Bên cạnh đó một số loài còn được nhân dân thu hái trong rừng để bán đi các vùng khác. Cũng chính vì lý do này nên theo bà con hện muốn lấy được cây thuốc cần phải đi xa hơn, nhưng số lượng thì vẫn lấy được ít hơn. Số lượng những người theo nghề gia truyền chữa bệnh ngày càng giảm. Do đó, rất cần các biện pháp nhằm khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên cũng như bảo tồn được nguồn tri thức bản địa quý báu này.

## III. KẾT LUẬN

Qua điều tra sơ bộ ban đầu, chúng tôi đã xác định được 65 loài thực vật được đồng bào dân tộc Mường tại Khu BTTN Hang Kia- Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình được sử dụng làm thuốc chữa bệnh về thận; trong đó có 3 loài có tác dụng bổ thận, 8 loài có tác dụng lợi tiểu, 41 loài có tác dụng chữa viêm thận, 13 loài trị được đái ra máu, 18 loài có khả năng chữa được sỏi thận

Các bộ phận khác nhau của các loài nói trên (lá, thân, rễ, củ, hoa và toàn cây) đều có thể được sử dụng làm thuốc. Các loài nói trên thường được sử dụng tươi hay phơi khô để sắc lấy nước uống. Có 61 loài được dùng riêng và 8 loài được sử dụng kết hợp với một số loài thực vật khác trong các bài thuốc chữa bệnh thận.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Auct.**, 2001: Plant Resources of South-East Asia, Medicinal & poisonous Plant, vol. 12. Leiden, Netherlands
2. **Đỗ Huy Bích và cs.**, 2004: Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập 1, 2. NXB. KH & KT.
3. **Đỗ Tất Lợi**, 1995: Cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. NXB. KH & KT, Hà Nội.
4. **Lily M.P.**, 1978: Medicinal Plants of East and Southeast Asia. London, 354 pp.
5. **Nguyễn Bá Hoạt, Nguyễn Duy Thuần**, 2005: Kỹ thuật trồng, sử dụng và chế biến cây thuốc. NXB. Nông nghiệp, 280 tr.
6. **Nguyễn Nghĩa Thìn và cs.**, 2001: Cây thuốc của đồng bào dân tộc Thái, Con Cuông, tỉnh Nghệ An. NXB. Nông nghiệp.
7. **Nguyễn Tập**, 2007: Cẩm nang Cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam. Mạng lưới Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam, 233 tr.
8. **Nguyễn Tiến Bản (chủ biên)**, 2003, 2005: Danh lục các loài thực vật Việt Nam tập 2, 3. NXB. Nông nghiệp.
9. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999-2000: Cây cỏ Việt Nam, tập 1-3. NXB. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
10. **Trung tâm nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật**, 2001: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 1 999-1191. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
11. **Võ Văn Chi**, 1997: Từ điển cây thuốc Việt Nam. NXB. Y học, Tp. Hồ Chí Minh.

### MUONG ETHNIC GROUP'S MEDICINAL PLANTS FOR THERAPEUTIC KIDNEY IN HANG KIA-PA CO NATURE RESERVE, HOA BINH PROVINCE

DO SI HIEN, DO THI XUYEN

#### SUMMARY

Total of Muong ethnic's medicinal plants for kidney treatment methods are 65 species in Hang Kia-Pa Co Reserver (Hoa Binh province). There are 3 species used for fortifying the kidneys, 8 species for diuretic, 41 species for nephritis, especially 13 species for haematuria and 18 species for kidney stone. For therapeutic kidney method, many species was used in different way such as 61 species may be used individually, 8 species used with a combination with other species; 38 species used all part of plant, 21 species used from leaves, 19 species used from stem, 11 species used from root and only one species use from flower.

Muong ethnic, whose's kidney, usually go to oriental-style or mountebank doctor for buying old wives' remedy from medicinal plant because of long time of therapeutic kidney. Plant resources may be from forest or home garden. Some people of Muong ethnic go to the forest for collecting medicinal plants, which are sell out other regions. Numbers of individual medicine plants have been reduced, therefore, some conservation measures for this valuable resources are necessary.